

6. Các vi phạm hành chính của lái xe quân đội và quân nhân vi phạm Luật Giao thông đường bộ do cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công an xử lý và định kỳ 6 tháng 1 lần thông báo với Cục Quản lý xe máy.

#### IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư số 2552/TTLB-NV-QP ngày 27/12/1995 của liên Bộ Nội vụ - Quốc phòng về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/CP ngày 29/5/1995 của Chính phủ về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn giao thông đô thị.

2. Những xe quân đội kinh tế đã được Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt đăng ký và cấp biển số trước ngày Thông tư này có hiệu lực vẫn được phép lưu hành.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng yêu cầu Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Cục Quản lý xe máy và các đơn vị thuộc quyền, tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Thông tư này.

4. Cục Quản lý xe máy có trách nhiệm phối hợp với Cục Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt thống kê số liệu xe đã giới thiệu đăng ký tại Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt để báo cáo Bộ Tổng Tham mưu - Bộ Quốc phòng. Định kỳ 6 tháng 1 lần, Cục Quản lý xe máy báo cáo tình hình thực hiện Thông tư

này với các cơ quan chức năng của Bộ Quốc phòng.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

*Thứ trưởng*

Trung tướng Lê Thế Tiệm

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

*Thứ trưởng*

Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu

**BỘ TÀI CHÍNH - ỦY BAN  
THỂ DỤC THỂ THAO**

**THÔNG TƯ liên tịch số 103/2004/  
TTLT-BTC-UBTDTT ngày  
05/11/2004 hướng dẫn thực  
hiện chế độ dinh dưỡng đối  
với vận động viên, huấn luyện  
viên thể thao.**

*Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP  
ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy  
định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật  
Ngân sách Nhà nước.*

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP  
ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy  
định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và  
cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Để phù hợp với tình hình thực tế về chế*

*độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao; Liên tịch Bộ Tài chính - Ủy ban Thể dục Thể thao hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao như sau,*

## I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng:

#### 1.1. Đối tượng:

Vận động viên, huấn luyện viên thể thao thuộc đội tuyển các cấp.

#### 1.2. Phạm vi:

- Đội tuyển quốc gia.
- Đội tuyển trẻ quốc gia.
- Đội tuyển ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là đội tuyển tỉnh, ngành).
- Đội tuyển trẻ ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là đội tuyển trẻ tỉnh, ngành).
- Đội tuyển năng khiếu các cấp.
- Đội tuyển cấp quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

1.3. Thời gian áp dụng: Trong thời gian tập trung tập luyện và thời gian tập trung thi đấu ở trong nước theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Nguồn kinh phí chi trả cho chế độ quy định tại Thông tư này được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các Bộ, ngành, địa phương theo quy định hiện hành của Nhà nước về phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Nhà nước khuyến khích các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc gia, các đơn vị quản lý vận động viên, huấn luyện viên khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung thêm chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên.

## II. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chế độ dinh dưỡng (gồm tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng) được tính bằng tiền cho một ngày tập trung tập luyện, thi đấu của một vận động viên, huấn luyện viên. Mức quy định cụ thể như sau:

1.1. Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện (đồng/người/ngày):

Số thứ tự	Vận động viên, huấn luyện viên theo cấp đội tuyển	Mức tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng
1	Đội tuyển quốc gia	60.000
2	Đội tuyển trẻ quốc gia	45.000
3	Đội tuyển tỉnh, ngành	45.000
4	Đội tuyển trẻ tỉnh, ngành	35.000
5	Đội tuyển năng khiếu các cấp	25.000

09638441

1.2. Chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung thi đấu (đồng/người/ngày):

Số thứ tự	Vận động viên, huấn luyện viên theo cấp đội tuyển	Mức tiền ăn và tiền thuốc bồi dưỡng
1	Đội tuyển trẻ quốc gia	60.000
2	Đội tuyển tỉnh, ngành	60.000
3	Đội tuyển trẻ tỉnh, ngành	45.000
4	Đội tuyển năng khiếu các cấp	45.000

Căn cứ vào tình hình thực tế, Ủy ban Thể dục Thể thao quy định cụ thể việc sử dụng số tiền theo chế độ dinh dưỡng trên đây cho phù hợp.

1.3. Tùy theo tình hình thực tế và khả năng nguồn ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên thuộc cấp mình quản lý nhưng không vượt quá mức quy định tại Thông tư này.

Riêng đối với đội tuyển cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh căn cứ khả năng ngân sách địa phương, phong trào thể dục thể thao, quy chế tuyển chọn và đào tạo vận động viên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể mức kinh phí hỗ trợ chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên và huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện và thời gian thi đấu.

2. Đối với vận động viên, huấn luyện viên các đội tuyển quốc gia, trong thời gian tập trung tập luyện theo quyết định triệu tập của cấp có thẩm quyền để chuẩn bị tham dự Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội thể thao Châu Á

(ASIAD) và Đại hội thể thao thế giới (Olympic) được hưởng chế độ dinh dưỡng là 100.000 đồng/người/ngày, trong thời gian tối đa 60 ngày.

Trong thời gian tập trung thi đấu tại Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Đại hội thể thao Châu Á (ASIAD) và Đại hội thể thao thế giới (Olympic) và các giải thể thao quốc tế khác vận động viên, huấn luyện viên được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ tổ chức giải.

3. Trường hợp các giải thi đấu khác không do Ủy ban Thể dục Thể thao, các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương tổ chức mà do các Liên đoàn thể thao đăng cai tổ chức (như Liên đoàn Bóng chuyên, Liên đoàn Xe đạp, Liên đoàn Bóng đá...), trong thời gian thi đấu vận động viên và huấn luyện viên được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định của Điều lệ giải; kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng do đơn vị cử vận động viên, huấn luyện viên tham dự giải và các nguồn tài trợ bảo đảm.

4. Hàng năm căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch tập luyện, thi đấu thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các Bộ, cơ

quan Trung ương, Sở Thể dục Thể thao, Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập dự toán chi về chế độ dinh dưỡng cho vận động viên, huấn luyện viên và tổng hợp vào dự toán ngân sách của cấp mình, gửi cơ quan tài chính cùng cấp để xem xét tổng hợp trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Khoản chi về chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên được hạch toán vào mục 108: "Các khoản thanh toán khác cho cá nhân" thuộc các Chương, Loại, Khoản tương ứng.

6. Riêng năm 2004, kinh phí phát sinh thêm khi thực hiện chế độ này, Ủy ban Thể dục Thể thao, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương tự sắp xếp trong dự toán ngân sách năm 2004 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Khi giá cả thị trường biến động từ 20% trở lên, liên Bộ sẽ xem xét điều chỉnh lại mức nêu trên cho phù hợp.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Thông tư liên Bộ số 86/TT-LB ngày 24/10/1994 của liên Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội - Tổng cục Thể dục Thể thao về chế độ dinh dưỡng (bồi dưỡng) đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có

khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về liên Bộ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

*Thứ trưởng*

**Huỳnh Thị Nhân**

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN  
THỂ DỤC THỂ THAO

*Phó Chủ nhiệm*

**Nguyễn Trọng Hỷ**

**TÀI CHÍNH - XÂY DỰNG**

**THÔNG TƯ liên tịch số 104/2004/  
TTLT-BTC-BXD ngày 08/11/2004  
hướng dẫn nguyên tắc, phương  
pháp xác định và thẩm quyền  
quyết định giá tiêu thụ nước  
sạch tại các đô thị, khu công  
nghiệp, cụm dân cư nông thôn.**

*Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP  
ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính  
phủ quy định chức năng, nhiệm vụ,  
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài  
chính;*

*Căn cứ Nghị định số 36/2003/NĐ-CP  
ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ  
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn  
và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*